

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/3/2019

Về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Vỹ

2/ Bà Võ Thị Lan

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2018/TLST - HNGĐ, ngày 13/12/2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2019 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V – Sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2/ Bị đơn: Ông Hà T – Sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

(Bà V có mặt tại phiên tòa, ông T có mặt trong quá trình xét xử nhưng vắng mặt khi Tòa tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Hà T kết hôn vào ngày 25/11/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam. Ông, bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà bị gia đình chồng coi thường và ngược đãi, chồng bà V không bảo vệ bà mà còn có hành vi bạo lực, đánh đập bà, dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, bà V không còn chung sống cùng với ông T, ông bà đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống lại được với nhau nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hà T

Về nuôi con chung: có 02 con Hà Đức Thanh P – Sinh ngày 08/7/2004 và Hà Thị Thanh T – Sinh ngày: 20/4/2009, hiện nay hai con đang đi học và sống tại nhà cùng với ông T, khi ly hôn bà để hai con ở lại nhà với ông T vì hiện nay bà không có chỗ ở ổn định, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con là 1.000.000 đồng).

Về chia tài sản, nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Ngoài ra bà V không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2019 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Hà T trình bày:

Về năm đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn theo như bà V trình bày là đúng ông không bổ sung gì, về mâu thuẫn vợ chồng thì do ông bị tai nạn không đi làm việc được nên kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng hay cãi vã nhau, ngoài ra ông cho rằng bà V có mối quan hệ bất chính bên ngoài nên về nhà lơ là không lo cho con và gia đình, ông thừa nhận có lần đánh bà V mấy bạt tai vì bà không nghe lời khuyên của ông. Kể từ tháng 11/2018 đến nay bà V không còn chung sống cùng ông nữa, ban ngày thì bà V về nhà lo cơm nước cho các con nhưng đến tối thì về nhà cha mẹ ruột ngủ, ông nhiều lần khuyên bảo bà về chung sống để lo cho các con nhưng bà không về. Hiện nay, bà V yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, vì hai con của ông còn nhỏ cần có sự chăm sóc, thương yêu của cha mẹ, ông không muốn các con bị ảnh hưởng tâm lý sau này nên ông mong Tòa hòa giải để vợ chồng về chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về nuôi con chung: có 02 con Hà Đức Thanh P – Sinh ngày 08/7/2004 và Hà Thị Thanh T – Sinh ngày: 20/4/2009, nếu bà V cương quyết ly hôn và được Tòa giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được hết 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Ngoài ra ông T không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử

và thư ký Tòa án tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với ông Hà T; Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao hai con cho ông T nuôi dưỡng, bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con là 1.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Hà T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, ông T có hành vi đánh đập bà V nên vợ chồng không chung sống cùng với nhau từ tháng 11/2018 đến nay, bà V cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã có một thời gian không chung sống cùng với nhau. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với ông Hà T.

[3] *Về nuôi con chung:* có 02 con Hà Đức Thanh P – Sinh ngày 08/7/2004 và Hà Thị Thanh T – Sinh ngày: 20/4/2009, hiện nay các con đang đi học và chung sống cùng với ông Hà T tại xã Điện Thắng Nam. Tại đơn khởi kiện và hòa giải bà V yêu cầu được nuôi hết hai con, tuy nhiên tại phiên Tòa bà thay đổi ý kiến, giao hết 2 con cho ông T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con là 1.000.000 đồng). Ông T cũng đồng ý nhận nuôi hai con và nhận mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và cũng để đảm bảo về sự ổn định môi trường sống cũng như học tập của các con nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao hai con Hà Đức Thanh P – Sinh ngày 08/7/2004 và Hà Thị Thanh T – Sinh ngày 20/4/2009 cho ông Hà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con là 1.000.000 đồng) kể từ tháng 3/2019 đến khi hai con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động

[4] *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Tự thỏa thuận giải quyết.

[5] *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 luật phí và lệ phí, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với ông Hà T.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự giao 02 con Hà Đức Thanh P – Sinh ngày 08/7/2004 và Hà Thị Thanh T – Sinh ngày: 20/4/2009 cho ông Hà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Bích V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng) kể từ tháng 3/2019 đến khi hai con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động

Bà Nguyễn Thị Bích V được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng án phí HNST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001628 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà V còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn
- Thi hành án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân